

Số: 72/HAREC-CBTT/2023

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hà Nội
- Quý cổ đông Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

- Công ty: Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại
- Mã chứng khoán: HRB
- Địa chỉ trụ sở Công ty: Số 4 Phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội
- Điện thoại: (024) 3772 4330
- Fax: (024) 3772 4332
- Người thực hiện công bố thông tin: Phan Vũ Hương Giang
- Điện thoại di động: 0989 998 284

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*)

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại công bố thông tin: **Công bố cập nhật tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**. Cụ thể như sau:

- Bổ sung và điều chỉnh một số tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2023.

Tài liệu cập nhật được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại vào ngày 25/4/2023 tại đường dẫn <http://www.harec.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư.

**CÔNG TY CỔ PHẦN
HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**

Người công bố thông tin



GIÁM ĐỐC
Phan Huy Trí

**CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Số: 68 /BC/HAREC/ 2023

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Tổng kết tình hình hoạt động kinh doanh năm 2022; Giải pháp, kế hoạch kinh doanh năm 2023

I/ CÔNG TÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA NĂM 2022.

1) Về tình hình thị trường nói chung

Đại dịch Covid đã tác động rất lớn đến nền kinh tế thế giới và Việt Nam, cùng với đó là chỉ số lạm phát của các nước trên thế giới cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sự phục hồi của nền kinh tế sau dịch bệnh của Việt Nam.

Trải qua 2 năm của dịch bệnh, thị trường văn phòng cho thuê cũng đang có ít nhiều về sự thay đổi thói quen của các khách hàng, các doanh nghiệp có thuê mặt bằng văn phòng dần hình thành xu hướng tái cơ cấu không gian làm việc, tăng cường kết hợp giữa văn phòng ảo và văn phòng truyền thống, điều này dẫn đến việc giảm diện tích chỗ ngồi, giảm diện tích văn phòng đi thuê. Sự linh hoạt trong xu hướng tái cấu trúc không gian làm việc cũng làm thay đổi các tiêu chí khi lựa chọn văn phòng, ngoài các yếu tố rất quan trọng như giá thuê, trang thiết bị, tiện ích...thì nay các yếu tố về an toàn phòng chống các dịch bệnh, y tế về bảo vệ sức khỏe luôn được đề nghị, yêu cầu. Do đó các chủ đầu tư Tòa nhà văn phòng phải luôn có những lựa chọn và giải pháp phù hợp để đáp ứng các yêu cầu của khách thuê.

Về thị trường văn phòng cho thuê của Hà Nội trong năm 2022, các nguồn cung mới chưa cao, văn phòng hạng B chủ yếu bổ sung nguồn cung từ 2 quận Cầu Giấy và Nam Từ Liêm, áp lực nguồn cung không lớn nhưng áp lực về giá thuê đang ngày càng mạnh mẽ hơn.

2) Về hoạt động cho thuê của Tòa nhà.

+ Tổng diện tích cho thuê của Tòa nhà là: 7.966,67m²

- Diện tích trống từ năm 2021 chuyển sang là: 1.142,9m², tương đương 14,35% công suất cho thuê của Tòa nhà.

- Diện tích hết hạn hợp đồng trong năm 2022 là: 3.895,27m² tương đương 48,89% công suất cho thuê của Tòa nhà.

- Diện tích hết hạn hợp đồng trước hạn là: 145m² chiếm 1,82% công suất cho thuê của Tòa nhà.



Như vậy tổng diện tích trồng của năm 2022 là: 5.183,17m² chiếm 65% tổng công suất cho thuê của Tòa nhà.

+ Kết quả thực hiện năm 2022:

Bằng sự nỗ lực cao của tập thể CBNV Công ty, công suất cho thuê văn phòng của Tòa nhà đã được cải thiện:

- Tổng số gia hạn thuê văn phòng là : 1.021,8m², tương đương 12,83% tổng công suất cho thuê của Tòa nhà.

- Diện tích cho thuê mới là: 2.089m² tương đương 26,22% công suất cho thuê của Tòa nhà.

- Tổng công suất cho thuê bình quân năm 2022 đạt 82,41% (thấp hơn tổng công suất cho thuê bình quân năm 2021 gần 12%).

- Về công tác đầu tư tài chính: Từ năm 2021, nguồn tiền gửi trong các ngân hàng với lãi suất giảm thấp (dưới 5%) làm cho phần doanh thu từ công tác tài chính bị sụt giảm (đạt khoảng 3 tỷ đồng), Ban Giám đốc Công ty nhận thấy thị trường trái phiếu đang phát triển tốt, các trái phiếu phát hành có tài sản đảm bảo là các bất động sản hoặc các cổ phiếu có tính thanh khoản cao, tỷ lệ bảo đảm cho trái phiếu tốt, tỷ lệ rủi ro thấp, nên Ban Giám đốc đã quyết định chuyển khoảng 37 tỷ đồng từ tiền gửi tiết kiệm đã đến ngày đáo hạn sang các trái phiếu có các chỉ số an toàn cao và doanh thu từ trái phiếu này là khoảng 3,2 tỷ đồng, góp phần cho tổng doanh thu của năm 2021 đạt 46,8 tỷ đồng; Do đó cổ tức chia cho các cổ đông đạt cao (29%/1 cổ phiếu).

- Năm 2022, thị trường tiền gửi tiết kiệm ngân hàng vẫn tiếp tục suy giảm do chính sách thắt chặt tiền tệ, kiểm soát lạm phát, Ban Giám đốc tiếp tục chuyển từ gửi tiết kiệm đã đến ngày đáo hạn sang mua trái phiếu là khoảng 28 tỷ đồng; Doanh thu từ trái phiếu đã đạt khoảng 7,046 tỷ đồng, góp phần nâng cao tổng doanh thu cho Công ty năm 2022 đạt 42,9 tỷ đồng (mặc dù doanh thu từ kinh doanh cho thuê văn phòng đã rất thấp so với các năm trước).

Do nhận thức từ việc thực hiện chuyển đổi nguồn tiền từ gửi tiết kiệm sang những trái phiếu có lãi suất tốt hơn, có tỷ lệ rủi ro thấp nên Ban Giám đốc đã chuyển hình thức đầu tư nhưng đã không thực hiện việc báo cáo với HĐQT Công ty. Hiện nay, theo Nghị quyết của HĐQT ngày 18/4/2023, Ban Giám đốc Công ty đang làm việc với các đơn vị liên quan, tiến hành thu hồi các khoản đầu tư nói trên.

Trên cơ sở tăng cường tối đa các công tác cho thuê mặt bằng cùng các hoạt động tài chính tích cực, công tác kinh doanh đã đạt được những kết quả khả quan, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu đạt: 42 tỷ 989 triệu đồng, bằng 116,82% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Lợi nhuận trước thuế: 22 tỷ 653 triệu đồng, bằng 130,19% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lợi nhuận sau thuế đạt: 17 tỷ 586 triệu đồng, bằng 125,61% so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến 25%/1 cổ phiếu, bằng 147% so với dự kiến được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3) Tình hình quản lý vận hành:

Do việc đưa vào vận hành Tòa nhà đã lâu, các hệ thống thiết bị kỹ thuật dịch vụ của Tòa nhà cũng xuống cấp nhiều, đòi hỏi Công ty phải tích cực, quyết liệt và chuyên nghiệp trong công tác bảo dưỡng sửa chữa, bảo trì các trang thiết bị hệ thống hạ tầng, dịch vụ. Tới thời điểm hiện tại, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật dịch vụ của Tòa nhà như: hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa trung tâm (các Chiller, AHU, FCU...) hệ thống PCCC, hệ thống máy phát điện đã hoạt động ổn định, các thông số kỹ thuật của các hệ thống đều nằm trong ngưỡng kiểm soát tốt, đạt được hiệu suất sử dụng trong tiêu chuẩn vận hành của nhà sản xuất khuyến nghị.

- Tăng cường công tác dịch vụ chăm sóc khách hàng, đáp ứng tối đa các yêu cầu của khách hàng, tích cực, chủ động trong công tác tìm kiếm khách hàng, tạo các nguồn khách hàng mới bổ sung vào diện tích trống của Tòa nhà.
- Tích cực hướng dẫn, điều chỉnh, bổ sung về mọi mặt cho các bộ phận Công ty trong công tác phục vụ khách hàng, từng bước nâng cao tính chuyên nghiệp của các nhân viên bộ phận kỹ thuật, hành chính.
- Tiếp tục củng cố tính chuyên nghiệp trong công tác PCCC và cứu nạn cứu hộ bằng cách thường xuyên kiểm tra, tập huấn, diễn tập phương án PCCC kết hợp với cảnh sát PCCC trong công tác trên.

II) Kế hoạch và giải pháp của năm 2023.

1) Kế hoạch năm 2023

a) Tổng diện tích cho thuê năm 2023 là : 7.966,67m²

- Tổng diện tích trống từ năm 2022 chuyển sang là: 1.882,37m² chiếm 29,35% tổng diện tích thuê của Tòa nhà.
- Tổng diện tích hết hạn hợp đồng trong năm 2023 là: 456m² chiếm 5,72% tổng diện tích thuê của Tòa nhà.
- Tổng diện tích trống trong năm 2023 của Tòa nhà sẽ là: 2.338,37m² chiếm gần 30% công suất thuê.

b) Mục tiêu:

- Công ty phải duy trì được diện tích cho thuê cao nhất, giá cả phù hợp với thị trường. Để đạt được mục tiêu, Công ty sẽ tiếp tục củng cố các cơ sở hạ tầng kỹ



thuật dịch vụ có sẵn, bổ sung các cơ sở hạ tầng mới, duy trì công tác bán hàng, duy trì sự chăm sóc khách hàng kịp thời hiệu quả.

- Thực hiện tốt các công tác với các đơn vị liên quan, thu hồi phần tiền đầu tư vào các trái phiếu về cho Công ty theo Nghị quyết HĐQT ngày 18/4/2023.

c) Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

- Tổng doanh thu: 36 tỷ 800 triệu đồng

- Lợi nhuận trước thuế: 17 tỷ đồng

- Lợi nhuận sau thuế: 14 tỷ đồng

- Tỷ lệ cổ tức: 17%/1 cổ phiếu.

2) Các giải pháp cơ bản:

a) Công tác quản lý chất lượng dịch vụ khách hàng:

- Duy trì việc giữ gìn hình ảnh Tòa nhà như ban đầu, định kỳ công tác tu bổ, vệ sinh, sửa chữa kịp thời các hư hỏng do thời gian, đảm bảo sự sạch sẽ, sáng sủa của Tòa nhà.

- Củng cố công tác chăm sóc khách hàng, đáp ứng các yêu cầu của khách hàng với phương châm: nhanh, thuận tiện, chuyên nghiệp.

- Tiếp tục hoàn thiện các cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng của Tòa nhà, duy trì ổn định các dịch vụ kỹ thuật của Tòa nhà đáp ứng các đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng.

- Từng bước xem xét, cân nhắc áp dụng các tiêu chuẩn của Tòa nhà xanh theo như yêu cầu phát triển của xã hội.

b) Công tác hoạt động kinh doanh:

- Bảo trì, sửa chữa các trang thiết bị máy móc đúng kế hoạch, đúng tiêu chuẩn nhà sản xuất để tăng hiệu suất làm việc của thiết bị kéo dài tuổi thọ, giảm chi phí thay mới các thiết bị.

- Chú trọng công tác an toàn và phòng chống cháy nổ, thực hiện nghiêm túc các quy định về PCCC, duy trì việc kiểm tra định kỳ, diễn tập phòng chống cháy nổ và cứu hộ cứu nạn để sẵn sàng đáp ứng các tình huống khi có sự cố.

- Tăng cường hơn nữa việc mở rộng các đại lý giới thiệu khách hàng, nắm bắt thật tốt các thông tin về khách hàng tạo thuận lợi trong thương thảo hợp đồng với khách hàng, tránh những rủi ro có thể xảy ra.

- Xây dựng tập thể đoàn kết nội bộ, gắn bó lẫn nhau, các hoạt động của Công đoàn, của Chi bộ Đảng được duy trì tốt, ổn định.

- Tiếp tục tìm kiếm các giải pháp phù hợp, thực hiện việc sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại tại khu đất số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội.

Trên đây là báo cáo của Ban Giám đốc Công ty về các hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2022 và kế hoạch hoạt động của năm 2023.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Trân trọng cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC
ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
GIÁM ĐỐC**



Phan Huy Tý





CÔNG TY CỔ PHẦN
HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 03

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2022 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại tháng 4 năm 2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

I. Trích lập các quỹ và mức trả cổ tức cho năm 2022, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)	Năm 2022 (ĐVT: đồng)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế		18.068.040.870
1.1	LNST chưa phân lũy kế đến cuối kỳ trước		481.776.998
1.2	LNST chưa phân phối kỳ này		17.586.263.872
2	Phân phối lợi nhuận		
	- Quỹ dự phòng tài chính	0	
	- Quỹ khen thưởng	5	879.313.193
	- Quỹ phúc lợi	5	879.313.193
	- Chia cổ tức		15.846.000.000
	- Quỹ đầu tư phát triển		39.963.930
	- Quỹ khen thưởng HĐQT+ BKS	2	
	+ Thưởng HTKH LNST		351.725.277
	+ Thưởng vượt KH LNST		71.725.277
	- Tỷ lệ cổ tức		
	- Hình thức chi trả cổ tức		Tiền mặt/chuyển khoản

II. Chia cổ tức năm 2022

Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm chi trả và thực hiện việc chi trả. Phương án chi trả cổ tức bằng tiền mặt:

- Mức chi trả cổ tức: 2.500VNĐ/ 1 cổ phiếu
- Tổng số tiền chi trả cổ tức: 15.846.000.000VNĐ

III. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại, HĐQT đề xuất kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 như sau:

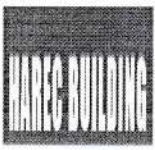
TT	Chỉ tiêu	Dự kiến
1	Tổng lợi nhuận sau thuế dự kiến	14.000.000.000
2	Phân phối lợi nhuận	
	- Quỹ dự phòng tài chính	0
	- Quỹ khen thưởng	5%
	- Quỹ phúc lợi	5%
	- Tỷ lệ chi trả cổ tức	17%/ 1 cổ phiếu
	- Quỹ khen thưởng HĐQT+ BKS	
	+ Thưởng HTKH LNST	2%
	+ Thưởng vượt KH LNST	2%
	- Quỹ đầu tư phát triển	LNST còn lại

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hoàng Quang Thành



**CÔNG TY CỔ PHẦN
HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TỜ TRÌNH SỐ 07

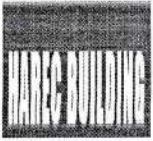
**V/v: Bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới
và bầu 01 thành viên Ban kiểm soát**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại tháng 4 năm 2017.
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;
- Căn cứ Công văn số 285/HABECO-HDQT ngày 10/4/2023 về việc nhân sự đại diện phần vốn, giới thiệu nhân sự tham gia HDQT và nhân sự tham gia BKS.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Miễn nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị đối với các thành viên HDQT.
2. Miễn nhiệm chức danh thành viên BKS đối với ông Vũ Đình Đức.
3. Thông qua việc bầu các thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023-2028.
4. Thông qua danh sách ứng cử viên để bầu vào chức danh thành viên HDQT, bao gồm:
 - Ông Hoàng Quang Thành
 - Ông Nguyễn Xuân Thành
 - Ông Phan Huy Tý(Có hồ sơ trích ngang kèm theo)
5. Thông qua danh sách ứng cử viên Trần Đức Giang là ứng cử viên bầu vào BKS.
(Có hồ sơ trích ngang kèm theo).



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Kính trình Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



CÔNG TY
CỔ PHẦN
HAREC
ĐẦU TƯ VÀ
THƯƠNG MẠI
M.S.D.N: 0102116074 C.T.C.P
Q. BA ĐÌNH - TP. HÀ NỘI

Hoàng Quang Thành

**CÁC ĐIỂM MỚI CỦA DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY
SO VỚI ĐIỀU LỆ CÔNG TY BAN HÀNH THÁNG 4/2017**

Điều lệ 2017	Dự thảo điều lệ	Ghi chú
Không có	I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	
Không có	<p style="text-align: center;">Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a) “<i>Vốn điều lệ</i>” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;</p> <p>b) “<i>Luật Doanh nghiệp</i>” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>c) “<i>Luật Chứng khoán</i>” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;</p> <p>d) “<i>Việt Nam</i>” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;</p> <p>đ) “<i>Ngày thành lập</i>” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;</p> <p>e) “<i>Người điều hành doanh nghiệp</i>” là Giám đốc và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g) “<i>Người quản lý doanh nghiệp</i>” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>h) “<i>Người có liên quan</i>” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>i) “<i>Cổ đông</i>” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;</p> <p>k) “<i>Cổ đông lớn</i>” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>l) “<i>Thời hạn hoạt động</i>” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;</p> <p>m) “<i>Sở giao dịch chứng khoán</i>” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p>	Trước đây không quy định
CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG	II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	



<p>1.1 Công ty thuộc hình thức Công ty cổ phần, hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành khác của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.</p> <p>1.2 Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI Tên giao dịch đối ngoại: HAREC INVESMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY Tên viết tắt : HAREC TRADE „JSC.</p> <p>1.3 Trụ sở Công ty : Số 4 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội. Điện thoại: (04) 377 24 330 Fax: (04) 377 24 332 Hội đồng quản trị Công ty quyết định việc chuyển trụ sở, lập hay huỷ bỏ chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.</p>	<p>văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty</p> <p>1. Tên Công ty - Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI - Tên tiếng Anh: HAREC INVESMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY - Tên viết tắt: HAREC TRADE „JSC.</p> <p>2. Công ty Cổ phần Harec đầu tư và thương mại là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.</p> <p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty: - Địa chỉ trụ sở chính: Số 4 phố Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (024) 377 24 330 - Fax: (024) 377 24 332 - E-mail: - Website: harec.com.vn</p> <p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.</p> <p>5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập</p>																
<p>Điều 20: Người đại diện theo pháp luật của công ty</p> <p>Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty được quy định tại Điều lệ công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú ở Việt Nam; Trường hợp vắng mặt trên 30 ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là: Giám đốc.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty và quy định của pháp luật.</p> <p>3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>																
	<p>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</p>																
<p>Điều 2: Ngành nghề kinh doanh</p> <p>2.1 Công ty kinh doanh những ngành nghề sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh doanh văn phòng, nhà ở; - Kinh doanh siêu thị thương mại; - Kinh doanh khách sạn; - Kinh doanh bất động sản; - Dịch vụ trông giữ xe; - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ 	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:</p> <table border="1" data-bbox="682 1743 1209 2089"> <thead> <tr> <th>S T T</th> <th>Tên ngành</th> <th>Mã ngành</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1</td> <td>Lắp đặt hệ thống điện</td> <td>4321</td> </tr> <tr> <td>2</td> <td>Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí</td> <td>4322</td> </tr> <tr> <td>3</td> <td>Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh bia, rượu và các loại nước giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, q ăn bar)</td> <td>4633</td> </tr> <tr> <td>4</td> <td>Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp</td> <td>4719</td> </tr> </tbody> </table>	S T T	Tên ngành	Mã ngành	1	Lắp đặt hệ thống điện	4321	2	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322	3	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh bia, rượu và các loại nước giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, q ăn bar)	4633	4	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719	
S T T	Tên ngành	Mã ngành															
1	Lắp đặt hệ thống điện	4321															
2	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322															
3	Bán buôn đồ uống Chi tiết: Kinh doanh bia, rượu và các loại nước giải khát (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, q ăn bar)	4633															
4	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719															

<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ phục vụ đồ uống; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; - Lắp đặt hệ thống điện; - Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. - Kinh doanh các ngành nghề mà pháp luật không cấm. <p>2.2 Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông.</p>	Chi tiết: Kinh doanh siêu thị thương mại		
	5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt Chi tiết: Dịch vụ trong giữ xe	5221
	6	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);	5510
	7	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
	8	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	5621
	9	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar);	5630
	10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất); - Kinh doanh văn phòng, nhà ở;	6810 (Chính)
	11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (không bao gồm thiết kế, giám sát và khảo sát công trình xây dựng)	7110
	<p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được phép hoạt động trong khuôn khổ pháp luật và Điều lệ này nhằm đạt hiệu quả kinh tế tốt nhất cho các cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty.</p>		

1160
 NG T
 PHÁP
 ARE
 U T
 UONG I
 NH

	<p>Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty</p> <p>1. Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
--	--	--

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

<p>Điều 3: Vốn điều lệ Vốn điều lệ của Công ty: 63.384.000.000 đồng VN (Sáu mươi ba tỷ ba trăm tám mươi tư triệu đồng VN). Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vốn bằng tiền là: 63.384.000.000 đồng VN (Sáu mươi ba tỷ ba trăm tám mươi tư triệu đồng VN) - Vốn bằng tài sản là: Không có <p>Số cổ phần: 6.338.400 cổ phần. Loại cổ phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần phổ thông: 6.338.400 cổ phần - Cổ phần ưu đãi: không có <p>Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>Điều 4: Phương thức huy động vốn</p> <p>4.1 Vốn điều lệ công ty có thể được góp bằng tiền, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần</p> <p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 63.384.000.000 đồng (Sáu mươi ba tỷ ba trăm tám mươi tư triệu đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 6.338.400 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.</p> <p>2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p> <p>4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với pháp luật.</p>	
---	--	--

<p>4.3 Thời hạn góp vốn: Trong thời gian không quá 90 ngày kể từ ngày được cấp đăng ký kinh doanh.</p> <p>Điều 5: Tăng, giảm vốn điều lệ</p> <p>5.1 Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty nếu thấy cần thiết thông qua việc: tích lũy lợi nhuận mà Công ty thu được, các cổ đông đầu tư vốn bổ sung, phát hành thêm cổ phiếu, gọi thêm các cổ đông mới.</p> <p>5.2 Việc giảm vốn điều lệ Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở vốn còn lại của Công ty nhưng vẫn đảm bảo Công ty hoạt động bình thường.</p> <p>Điều 6: Các loại cổ phần</p> <p>6.1 Công ty cổ phần có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông;</p> <p>6.2 Công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi; Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Cổ phần ưu đãi biểu quyết; Cổ phần ưu đãi cổ tức; Cổ phần ưu đãi hoàn lại; <p>6.3 Cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba năm, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sau thời hạn đó, cổ phần ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chuyển đổi thành cổ phần phổ thông.</p> <p>6.4 Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>6.5 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.</p> <p>6.6 Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>pháp luật.</p> <p>5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</p> <p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p> <p>7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
<p>Điều 7: Cổ phiếu</p> <p>7.1 Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu có thể ghi tên hoặc không ghi tên. Cổ phiếu có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty; Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Số lượng cổ phần và loại cổ phần; Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên; 	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p> <p>2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng</p>	<p>Thay đổi khái niệm cổ phiếu theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

<p>f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần;</p> <p>g) Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty;</p> <p>h) Số đăng ký tại sổ đăng ký cổ đông của công ty và ngày phát hành cổ phiếu;</p> <p>i) Các nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp 2014 đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.</p> <p>7.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.</p> <p>7.3 Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau:</p> <p>a) Cổ phiếu đã thực sự bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp đem trả công ty để tiêu hủy;</p> <p>b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới. Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</p>	<p>nhận cổ phiếu.</p> <p>4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;</p> <p>b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</p>	
<p>Điều 8: Sổ đăng ký cổ đông</p> <p>8.1 Công ty cổ phần phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.</p> <p>8.2 Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;</p> <p>b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;</p> <p>d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức;</p> <p>e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông.</p>		

12/11/2011

<p>ngày đăng ký cổ phần.</p> <p>8.3 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán.</p> <p>8.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.</p>		
<p>Điều 11: Chào bán cổ phần</p> <p>11.1 Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong sổ cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập; b) Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty; c) Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 75% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; d) Các trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do Điều lệ công ty quy định. <p>11.2 Trường hợp công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo các quy định sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của họ. Thông báo phải được đăng báo trong ba số liên tiếp trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày đăng thông báo đó; b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty, tổng số cổ phần dự kiến phát hành và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Thời hạn xác định trong thông báo phải hợp lý đủ để cổ đông đăng ký mua được cổ phần. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua do công ty phát hành; c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua 		

<p>cổ phần của mình cho người khác;</p> <p>d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Trường hợp số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.</p> <p>11.3 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 8 của Điều lệ này được ghi đúng; ghi đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.</p> <p>11.4 Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp 2014 được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.</p> <p>11.5 Các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật Doanh nghiệp 2014. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng văn bản theo cách thông thường hoặc bằng cách trao tay cổ phiếu. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện được uỷ quyền của họ ký. Bên chuyển nhượng vẫn là người sở hữu cổ phần có liên quan cho đến khi tên người nhận được đăng ký vào sổ đăng ký cổ đông. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong cổ phiếu có ghi tên thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.</p> <p>11.6 Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chào bán cổ phần riêng lẻ tuân theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
<p>Điều 12: Phát hành trái phiếu</p> <p>12.1 Công ty cổ phần có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>12.2 Công ty không được quyền phát hành trái phiếu trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc</p>	<p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p> <p>Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.</p>	

HA

<p>thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong ba năm liên tiếp trước đó;</p> <p>b) Tỷ suất lợi nhuận sau thuế bình quân của ba năm liên tiếp trước đó không cao hơn mức lãi suất dự kiến trả cho trái phiếu định phát hành; Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi các quy định tại điểm a và điểm b của khoản này.</p> <p>12.3 Hội đồng quản trị quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.</p>		
	<p>Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần</p> <p>1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p> <p>2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.</p>	
	<p>Điều 10. Thu hồi cổ phần</p> <p>1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.</p> <p>2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo, địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.</p> <p>4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.</p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với</p>	

	<p>tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.</p> <p>6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.</p>	
<p>Điều 13: Mua cổ phần, trái phiếu</p> <p>Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sử hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty và phải được thanh toán đủ một lần.</p>		
<p>Điều 14: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông</p> <p>14.1 Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.</p> <p>14.2 Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì cổ đông đó có thể bán cổ phần cho người khác, hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</p>		
<p>Điều 15: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty</p> <p>Công ty có quyền mua lại không quá 30 % tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau:</p> <p>15.1 Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.</p> <p>15.2 Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần.</p>		



<p>Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 15.3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.</p> <p>15.3 Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.</p> <p>Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.</p>		
<p>Điều 16: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại</p> <p>16.1 Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp 2014 nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p> <p>16.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doanh nghiệp 2014 được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp 2014, Công ty phải làm thủ tục giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.</p> <p>16.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.</p> <p>16.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày</p>		

kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 17: Trả cổ tức

- 17.1 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 17.2 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- 17.3 Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 17.4 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

Điều 18: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp 2014 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả

THÀNH
TU
GN
-T

<p>thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.</p>		
<p style="text-align: center;">Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY</p>	<p style="text-align: center;">V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT</p>	
<p>Điều 19: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty cổ phần Công ty cổ phần có Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Giám đốc; Khi công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50 % tổng số cổ phần của công ty thì phải có Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban Kiểm soát; 4. Giám đốc.</p>	<p>Quy định rõ cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát</p>
	<p style="text-align: center;">VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	
<p>Điều 9: Quyền của cổ đông phổ thông 9.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây: a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông; c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp 2014; e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty; h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty. 9.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây: a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có); b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 9.3 của Điều này; d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ</p>	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông 1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một (01) phiếu biểu quyết. b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan; đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty; h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp; i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông; k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ</p>	<p>- Quy định thêm quyền của cổ đông tại các điểm i, k, l. - Khoản 2 điều 13 quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền... - Thêm quy định: Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; - Khoản 3 điều 12 quy định Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.</p>

thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.

9.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty;

Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông công ty. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

9.4 Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 9.2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập họp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được

và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hằng năm và giữa năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu có đầy đủ nội dung được quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng

Y
A
H

<p>quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	
---	---	--

<p>Điều 10: Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</p> <p>10.1 Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty.</p> <p>Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút.</p> <p>10.2 Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ công ty.</p> <p>10.3 Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>10.4 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.</p> <p>10.5 Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty. 	<p>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</p> <p>Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Vi phạm pháp luật; Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. 	<p>Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty</p>
---	--	---

<p>Điều 23: Đại hội đồng cổ đông</p> <p>23.1 Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.</p> <p>23.2 Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Thông qua định hướng phát triển của công ty; Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ của công ty không quy định một tỷ lệ khác; Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại 	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của</p>	
--	---	--

Điều lệ công ty;

- f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và các cổ đông của công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- j) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.

23.3 Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông;
- b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại công ty;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo uỷ quyền;
- d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện;
- e) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền;
- f) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông;

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền theo quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty;


c) Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh




<p>Điều 22: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</p> <p>22.1 Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <p>a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;</p> <p>c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>22.2 Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, người đại diện công ty ký kết hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.</p> <p>22.3 Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p> <p>22.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 22.2 và 22.3 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, Hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.</p>	<p>nghiep.</p>	
<p>Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>24.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>24.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên</p>	

<p>chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty;</p> <p>c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>24.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b) Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>24.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 24.3 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p> <p>24.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 24.4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p> <p>24.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014 có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>24.7 Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và</p>	<p>Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>d) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán độc lập được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p>	
---	--	--

<p>địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>24.8 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 24.4, 24.5, 24.6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.</p>	<p>m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát;</p> <p>t) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	---	--

<p>Điều 28: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>28.1 Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>28.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:</p> <p>a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;</p> <p>c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.</p> <p>28.3 Trừ trường hợp quy định tại khoản 28.4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường</p>	<p>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p> <p>3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi</p>	
---	---	--

<p>a) Người được ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p>b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền;</p> <p>28.4 Quy định tại khoản 28.2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 28.3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>28.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p>	<p>dân sự;</p> <p>b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;</p> <p>c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.</p> <p>Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.</p>	
	<p>Điều 17. Thay đổi các quyền</p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p> <p>3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.</p> <p>4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi</p>	

	Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.	
<p>Điều 24: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>24.1 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>24.2 Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a) Báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty;</p> <p>c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p> <p>24.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>b) Số thành viên của Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>24.4 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu tại điểm c và điểm d khoản 24.3 Điều này.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p> <p>24.5 Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 24.4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.</p> <p>Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.</p> <p>24.6 Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014 có quyền đại diện công ty triệu tập</p>	<p>Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.</p> <p>2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:</p> <p>a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;</p> <p>c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;</p> <p>d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;</p> <p>đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g) Các công việc khác phục vụ đại hội.</p> <p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;</p>	<p>Quy định thời gian chậm nhất gửi thông báo mời họp ĐHCĐ là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp</p>

hợp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

24.7 Người triệu tập họp phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014.

24.8 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 24.4, 24.5, 24.6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 25: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

25.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.

25.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

25.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

26.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

26.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp 2014 có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

26.3 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

197
CƠ
CỔ
H/
ĐẦU
THỰC
ĐỊNH

- không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty.
- 26.4 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 26.2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 26.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 27: Mời họp Đại hội đồng cổ đông

- 27.1 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông có quyền dự họp chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của cổ đông.
- Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty, tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.
- 27.2 Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- Nếu công ty có trang thông tin điện tử thì thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

Điều 28: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 28.1 Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- 28.2 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau:
- a) Trường hợp cổ đông là cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

<p>28.3 Trừ trường hợp quy định tại khoản 28.4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Người được ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.</p> <p>b) Người ủy quyền đã chấm dứt việc ủy quyền;</p> <p>28.4 Quy định tại khoản 28.2 Điều này không áp dụng nếu công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 28.3 Điều này chậm nhất 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>28.5 Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.</p>		
--	--	--

<p>Điều 29: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>29.1 Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết;</p> <p>29.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất của Đại hội đồng cổ đông, triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>29.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 29.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định cuộc họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p> <p>29.4 Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p>	<p>Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</p> <p>2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.</p> <p>3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.</p>	
---	---	--

<p>Điều 30: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định sau:</p> <p>30.1 Trước ngày khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.</p> <p>30.2 Chủ tọa, thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:</p> <p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các</p>	<p>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:</p> <p>a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành,</p>	
--	--	--

10
 T
 PH
 RE
 T V
 NG M
 - TP

<p>hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thống kê trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thống kê sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;</p>	
<p>b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	<p>b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.</p>	
<p>c) Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p>	
<p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;</p> <p>30.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;</p>	<p>a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	
<p>30.4 Chủ tọa và thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;</p>	<p>b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p>	
<p>30.5 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề theo nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành; cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp;</p>	<p>c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;</p>	
<p>30.6 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;</p>	<p>d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.</p>	
<p>30.7 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:</p>	<p>3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.</p>	
<p>a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;</p>	<p>4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.</p>	
<p>b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ sự điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	
<p>30.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:</p>		
<p>a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p>		
<p>b) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến</p>		

hành một cách công bằng và hợp pháp; thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

30.9 Trường hợp chủ tọa tạm hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 30.8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;


c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại

174
Y
C
A
H
H

	<p>Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	
<p>Điều 31: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>31.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>31.2 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>b) Thông qua định hướng phát triển công ty;</p> <p>c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán;</p> <p>d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ của công ty không quy định một tỷ lệ khác;</p> <p>f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g) Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>31.3 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau:</p> <p>a) Được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>b) Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty nếu Điều lệ của công ty không quy định một tỷ lệ khác thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65 % tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận;</p> <p>c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.</p> <p>31.4 Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.</p> <p>31.5 Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>d) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty.</p> <p>2. Các nghị quyết về các vấn đề khác trừ trường hợp được quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.</p> <p>3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p>	

<p>quyết chấp thuận;</p> <p>31.6 Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.</p>		
<p>Điều 32: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>32.1 Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p> <p>32.2 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.</p> <p>32.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến; Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty. <p>32.4 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p> <p>32.5 Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy 	<p>Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Mục đích lấy ý kiến; Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông; Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định; Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến; Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây: <ol style="list-style-type: none"> Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm 	

<p>chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e) Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu;</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>32.6 Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>32.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>32.8 Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>BB họp ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực nếu chủ tọa và</p>
<p>Điều 33: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại</p>	<p>BB họp ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực nếu chủ tọa và</p>

<p>sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể bằng cả tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình và nội dung cuộc họp; Chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Các quyết định đã được thông qua; Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký; Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. <p>33.2 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.</p> <p>33.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.</p> <p>Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>hội đồng cổ đông</p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; Chương trình họp và nội dung cuộc họp; Họ, tên chủ tọa và thư ký; Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp; Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng; Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp; Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. <p>2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.</p> <p>3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.</p> <p>4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>thư ký không ký.</p>
<p>Điều 34: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được</p>	<p>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ</p>	



<p>biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>34.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật này;</p> <p>34.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p>	<p>ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này</p>	
<p>Chương II CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY</p>	<p>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p>	
<p>Điều 21: Trách nhiệm của người quản lý công ty</p> <p>21.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty;</p> <p>c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.</p> <p>21.2 Ngoài các nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.</p> <p>21.3 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.</p>		
<p>Điều 37: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <p>a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành</p>	

viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05 %) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 36: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

36.1 Hội đồng quản trị có từ 03 thành viên đến 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng, thời hạn cụ thể của nhiệm kỳ, số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam do Điều lệ công ty quy định.

36.2 Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

Điều 37: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ba (03) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

102
CỔ
CƠ
HA
ĐẦU
HƯỚNG
ĐINH

<p>đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này;</p> <p>b) Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty .</p> <p>Điều 42: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>42.1 Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn xin từ chức.</p> <p>42.2 Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 42.1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>42.3 Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Trong các trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị phải là cổ đông của Công ty.</p>	
<p>Điều 35: Hội đồng Quản trị</p> <p>35.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>35.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty;</p> <p>e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</p> <p>a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;</p> <p>b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy</p>	

<p>35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác của công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p> <p>i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;</p> <p>j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;</p> <p>o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.</p> <p>35.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.</p> <p>35.4 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho công ty; thành viên phân đới thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ quyết định nói trên.</p>	<p>định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;</p> <p>l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;</p> <p>m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p style="text-align: right;">178 G T PHÂN REI C V, G MA TP.</p>
<p>Điều 50: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác</p>	<p>Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác</p>	

của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc	của thành viên Hội đồng quản trị	
<p>50.1 Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>50.2 Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện công việc được giao;</p> <p>c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.</p> <p>50.3 Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p>1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.</p> <p>Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.</p> <p>3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
Điều 38: Chủ tịch Hội đồng quản trị	Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	Quy định trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt (trước đây không quy định)
<p>38.1 Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty. Chủ tịch được bầu trong số thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc.</p> <p>38.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền sau:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Giám đốc.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</p> <p>c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p>	

<p>e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>f) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.</p> <p>38.3 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.</p>	<p>d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.</p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 39: Cuộc họp Hội đồng quản trị</p> <p>39.1 Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>39.2 Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.</p> <p>39.3 Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch triệu tập bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.</p> <p>39.4 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;</p> <p>b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d) Có đơn từ chức của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm</p>	<p>Gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp (trước đây là 7 ngày làm việc)</p>

174
Y
1
HA NỘI

<p>nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>39.5 Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 39.4 Điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p> <p>39.6 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.</p> <p>39.7 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.</p> <p>39.8 Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>39.9 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p>	<p>quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm a, b, c khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức, việc triệu tập họp Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p> <p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p> <p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này; Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử; Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện 	
--	--	--

	<p>khác theo hướng dẫn cụ thể của Công ty.</p> <p>10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.</p> <p>11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	
<p>Điều 40: Biên bản họp Hội đồng quản trị</p> <p>40.1 Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng cả tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh; b) Mục đích, chương trình và nội dung họp; c) Thời gian, địa điểm họp; d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do; e) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp; f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp; g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến; h) Các quyết định đã được thông qua; i) Họ, tên, chữ ký của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. <p>Chủ toạ và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p> <p>40.2 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p> <p>40.3 Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có giá trị ngang nhau về mặt pháp lý.</p>		
<p>Điều 41: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>41.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc hoặc Phó giám đốc, người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</p> <p>41.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị</p>		
Điều 31. Người phụ trách quản trị công		



	<p>ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bỏ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. 2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty. 3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát; c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; d) Tham dự các cuộc họp; đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật; e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát; g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty; h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan; i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. 	
	<p>VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p>	
<p>Điều 43: Giám đốc, Tổng Giám đốc công ty</p> <p>43.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> <p>43.2 Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp 2014. Giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.</p> <p>43.3 Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:</p>	<p>Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý</p> <p>Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>Điều 33. Người điều hành Công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng. 2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều 	<p>Tiền lương của người điều hành trước đây không quy định</p>

<ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. 	<p>hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở Quy chế trả lương và các chế độ quyền lợi khác của Công ty.</p> <p>4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	
<p>43.4 Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động đã ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.</p>	<p>Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</p> <p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p> <p>3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty; d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc; g) Tuyển dụng lao động; h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh; i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. <p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	

321
 ÔN
 CỘ P
 HAI
 ĐẦU
 HƯỚNG
 TÍNH

	IX. BAN KIỂM SOÁT	
	<p style="text-align: center;">Điều 35. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát (Kiểm soát viên)</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.</p>	
<p>Điều 44: Ban kiểm soát</p> <p>44.1 Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của kiểm soát viên không quá 05 năm và kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>44.2 Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.</p> <p>44.3 Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.</p> <p>Điều 45: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát</p> <p>45.1 Thành viên Ban kiểm soát phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này; b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác. <p>45.2 Thành viên Ban kiểm soát không được giữ chức vụ quản lý trong công ty. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động trong công ty.</p> <p>Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên</p> <p>49.1 Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm 	<p style="text-align: center;">Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát</p> <p>1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty; b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó. <p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Các trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. <p>4. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. 	
<ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của 		

<p>Luật Doanh nghiệp 2014;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Có đơn xin từ chức.</p> <p>49.2 Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 49.1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm, bãi nhiệm bất cứ lúc nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>49.3 Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho công ty thì Hội đồng quản trị họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.</p> <p>49.4 Đối với công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hàng năm của công ty cổ phần đã phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.</p> <p>49.5 Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 49.4 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p> <p>49.6 Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.</p> <p>Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.</p>		
---	--	--

<p>Điều 46: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	<p>Điều 37. Trưởng Ban Kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban Kiểm soát do Ban Kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban Kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban Kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát;b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm soát;c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.	<p>TBKS phải có bằng đại học tốt nghiệp chuyên ngành (trước đây không quy định)</p>
--	--	---

<p>46.1 Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>46.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>46.3 Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và sáu tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p> <p>46.4 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>46.5 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>46.6 Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.</p> <p>46.7 Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>46.8 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>46.9 Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao; Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Kiểm soát</p> <p>Ban Kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết. 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình. 3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác. 4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông. 5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. 6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. 7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. 8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc. 9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. 10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	<p>BKS (ghi nhận tại khoản 7, 8, 9 điều 38)</p>
<p>Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát</p> <p>47.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải</p>		

<p>được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>47.2 Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>47.3 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.</p> <p>47.4 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.</p>		
	<p>Điều 39. Cuộc họp của Ban Kiểm soát</p> <p>1. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
<p>Điều 52: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau:</p> <p>52.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;</p> <p>52.2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>52.3 Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty</p>	<p>Điều 40. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>1. Thành viên Ban Kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.</p>	

174
 Y
 N
 C
 A
 A
 H

	<p style="text-align: center;">X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.</p>	
<p>Điều 51: Công khai các lợi ích liên quan</p> <p>51.1 Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;</p> <p>b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần hoặc phần vốn góp trên 35 % vốn Điều lệ;</p> <p>51.2 Việc kê khai quy định tại khoản 51.1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi bổ sung tương ứng.</p> <p>51.3 Việc kê khai quy định tại khoản 51.1 và 51.2 Điều này phải được thông báo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.</p> <p>51.4 Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.</p>	<p>Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành</p>	

	<p>viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 10% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 10% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	
<p>Điều 35: Hội đồng Quản trị</p> <p>35.1 Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>35.2 Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp 2014; Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, nếu Điều lệ công ty không quy định một tỷ lệ hoặc giá trị khác. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp 2014; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác của công ty; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó; 	<p>Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên. 	

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;
 - j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty;
 - o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty.
- 35.3 Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
- 35.4 Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải bồi thường thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ quyết định nói trên.

Điều 43: Giám đốc, Tổng Giám đốc công ty

- 43.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.
- 43.2 Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp 2014.
Giám đốc công ty không được đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.
- 43.3 Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:
- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không

- cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ công ty;
 - e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - f) Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

43.4 Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động đã ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 48: Nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

48.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

48.2 Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và cổ đông của công ty.

48.3 Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông của công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

48.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

48.5 Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 48.1, 48.2, 48.3 và 48.4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó;

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 48.3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.

48.6 Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn

bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm đó và có giải pháp khắc phục hậu quả.



	XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	
<p>Điều 9: Quyền của cổ đông phổ thông</p>	<p>Điều 43. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ</p>	
<p>9.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết; b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội cổ đông; c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty; d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp 2014; e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông; có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty; h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty. 	<p>1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty. <p>2. Trường hợp đại diện được uỷ quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p> <p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.</p>	
<p>9.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có các quyền sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có); b) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban kiểm soát; c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 9.3 của Điều này; d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và Điều lệ công ty. 	<p>4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.</p> <p>5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>6. Thủ tục yêu cầu tra cứu sổ sách hồ sơ theo quy định tại điều này được thực hiện như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Người yêu cầu phải có đề nghị bằng văn bản gửi đến Người phụ trách quản trị công ty tại trụ sở chính công ty. Nội dung của văn bản đề nghị phải có thông tin cá nhân, tổ chức yêu cầu, nội dung thông tin, tài liệu, hồ sơ yêu cầu, mục đích sử dụng và cam kết chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin được cung 	

<p>9.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông công ty. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>9.4 Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 9.2 Điều này được thực hiện như sau:</p> <p>a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 9.2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.</p>	<p>cấp.</p> <p>b) Công ty sẽ thực hiện cung cấp thông tin phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của công ty.</p>	
--	--	--

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội

211
 NG
 Đ P
 AR
 Đ T
 ĐNG
 -

	<p>đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.</p>	
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
<p>Điều 53: Thẻ lệ quyết toán, trả cổ tức và lập quỹ</p> <p>53.1 Năm quyết toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm, riêng năm đầu tiên hoạt động, bắt đầu từ ngày hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, công ty phải gửi báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan thuế và cơ quan đăng ký kinh doanh. Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.</p> <p>53.2 Việc lập các quỹ theo quy định của pháp luật, tỉ lệ trích lập các quỹ do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định sau khi đã thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.</p> <p>53.3 Trả cổ tức:</p> <p>a) Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.</p> <p>b) Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.</p> <p>Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ của công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú của cổ đông.</p> <p>Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi công ty đã có đủ chi tiết về ngân hàng của cổ đông để có thể chuyển trực tiếp được vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng như thông báo của cổ đông thì công ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.</p> <p>c) Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông</p>	<p>Điều 45. Phân phối lợi nhuận</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.</p> <p>2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p> <p>4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</p> <p>5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</p> <p>6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.</p>	

<p>chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên công ty, họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.</p> <p>d) Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.</p>		
	XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	
<p>Điều 53</p>	<p>Điều 46. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	
<p>Điều 53</p>	<p>Điều 47. Năm tài chính</p> <p>Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.</p>	
<p>Điều 53</p>	<p>Điều 48. Chế độ kế toán</p> <p>1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.</p> <p>2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.</p> <p>3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.</p>	
Chương IV TÀI CHÍNH	XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	

66
T
A
N
E
I
V
M
A
T
P.

<p>Điều 53:</p>	<p>Điều 49. Báo cáo tài chính năm</p> <p>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</p>	
	<p>Điều 50. Báo cáo thường niên</p> <p>Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	
	<p>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY</p>	
	<p>Điều 51. Kiểm toán</p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p> <p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	
	<p>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP</p>	
	<p>Điều 52. Dấu của doanh nghiệp</p> <p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	
<p>Chương V ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG</p>	<p>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY</p>	
<p>Điều 54: Các trường hợp và điều kiện giải thể doanh nghiệp</p> <p>54.1 Doanh nghiệp bị giải thể trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn; Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối 	<p>Điều 53. Giải thể công ty</p> <p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có 	

<p>thiếu theo quy định của Luật này trong thời gian sáu tháng liên tục;</p> <p>d) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;</p> <p>54.2 Doanh nghiệp chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.</p>	<p>quy định khác;</p> <p>c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	
<p>Điều 56: Các hoạt động bị cấm kể từ khi có quyết định giải thể</p> <p>Kể từ khi có quyết định giải thể doanh nghiệp, nghiêm cấm doanh nghiệp, người quản lý doanh nghiệp thực hiện các hoạt động sau:</p> <p>56.1 Cất giấu, tẩu tán tài sản;</p> <p>56.2 Từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ;</p> <p>56.3 Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp;</p> <p>56.4 Ký kết hợp đồng mới không phải là hợp đồng nhằm thực hiện giải thể doanh nghiệp;</p> <p>56.5 Cầm cố, thế chấp, tặng, cho, cho thuê lại tài sản;</p> <p>56.6 Chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực;</p> <p>56.7 Huy động vốn dưới mọi hình thức khác;</p>		
<p>Điều 57: Phá sản doanh nghiệp</p> <p>Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.</p>		
<p>Điều 55: Thủ tục giải thể doanh nghiệp</p> <p>Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định sau:</p> <p>55.1 Thông qua quyết định giải thể doanh nghiệp. Quyết định giải thể doanh nghiệp phải có các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp;</p> <p>b) Lý do giải thể;</p> <p>c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không được vượt quá sáu tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể;</p> <p>d) Phương án xử lý các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng lao động;</p> <p>e) Họ tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.</p> <p>55.2 Hội đồng quản trị trực tiếp tổ chức thanh lý tài sản doanh nghiệp.</p> <p>55.3 Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh, tất cả các chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan, người lao động trong doanh nghiệp và phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính và chi nhánh</p>	<p>Điều 54. Thanh lý</p> <p>1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.</p> <p>2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.</p> <p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các chi phí thanh lý;</p> <p>b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c) Nợ thuế;</p> <p>d) Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia</p>	<p style="text-align: right;">74</p>

<p>của doanh nghiệp.</p> <p>Đối với trường hợp mà pháp luật yêu cầu phải đăng báo thì quyết định giải thể doanh nghiệp phải được đăng ít nhất trên một tờ báo viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp.</p> <p>Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ; số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.</p> <p>55.4 Các khoản nợ của doanh nghiệp được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>b) Nợ thuế và các khoản nợ khác.</p> <p>Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể doanh nghiệp, phần còn lại thuộc về cổ đông của công ty.</p> <p>55.5 Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết các khoản nợ của doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải gửi hồ sơ giải thể doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn bảy ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh.</p> <p>55.6 Trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp phải giải thể trong thời hạn sáu tháng kể từ ngày bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trình tự và thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều này.</p> <p>Sau thời hạn sáu tháng quy định tại khoản này mà cơ quan đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ giải thể doanh nghiệp thì doanh nghiệp đó coi như đã được giải thể và cơ quan đăng ký kinh doanh xóa tên doanh nghiệp trong sổ đăng ký kinh doanh. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật, các thành viên Hội đồng quản trị liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác chưa thanh toán.</p>	<p>cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	
	<p>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</p>	

	<p style="text-align: center;">Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ</p> <p>1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:</p> <p>a) Cổ đông với Công ty;</p> <p>b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu luật sư hoặc chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	
<p>Điều 58: Điều khoản cuối cùng</p> <p>58.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>58.2 Điều lệ này được lập thành 5 Chương 58 Điều, đã được toàn thể các cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p>	<p style="text-align: center;">XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</p> <p>Điều 56. Điều lệ công ty</p> <p>1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.</p> <p>2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.</p>	
<p>Điều 58: Điều khoản cuối cùng</p> <p>58.1 Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>58.2 Điều lệ này được lập thành 5 Chương 58 Điều, đã được toàn thể các cổ đông thông qua và có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.</p>	<p style="text-align: center;">XXI. NGÀY HIỆU LỰC</p> <p>Điều 57. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Harec đầu tư và thương mại nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại Hà Nội và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>2. Điều lệ được lập thành 04 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội</p>	



Hà Nội, ngày tháng 5 năm 2023



Dự thảo

**QUY CHẾ BẦU CỬ THAY THẾ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ NĂM 2023-2028**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2021;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại đã được thông qua tháng 4 năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại tiến hành bầu cử thay thế thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát theo Quy chế bầu cử sau đây:

1. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
- Đại biểu : Cổ đông, đại diện theo ủy quyền

2. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có).

3. Đối tượng thực hiện bầu cử:

Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền bỏ phiếu chốt ngày đăng ký cuối cùng 10/4/2023 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp) có mặt tại Đại hội.



4. Đối tượng được ứng cử, đề cử và số thành viên được bầu:

- Cổ đông hoặc Nhóm cổ đông sở hữu từ 10% số cổ phần trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được quyền đề cử ứng viên vào HĐQT và BKS.
- Số lượng thành viên HĐQT được bầu thay thế là 03 thành viên.
- Số lượng thành viên BKS được bầu thay thế là 01 thành viên.
- Số lượng ứng viên HĐQT/BKS tối đa: Không hạn chế.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT:

- Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Là cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty .

6. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên BKS:

- Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Không phải là vợ, chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác;
- Không được giữ các chức vụ quản lý cấp cao của Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

7. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023-2028

a. Hồ sơ đề cử, ứng cử bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát:

- Đơn xin đề cử/ ứng cử tham gia HĐQT/BKS;
- Sơ yếu lý lịch ứng viên;
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn)/ Hộ chiếu (nếu là người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài);
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có);
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định;

Người đề cử/ ứng cử vào HĐQT/BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

b. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước **14h ngày 27/4/2023**.

Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Địa chỉ: Số 4, phố Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (024) 3772 4330 - Fax: (024) 3772 4332

Email: giang.phanvu@harec.com

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

8. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu bổ sung thành viên HĐQT, thành viên BKS.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT/BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

9. Phương thức bầu cử:

- Việc bầu thay thế thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty.

- Mỗi đại biểu có tổng số phiếu bầu bằng tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm sở hữu và ủy quyền) nhân (x) với số thành viên được bầu thay thế của HĐQT, BKS.

- Đại biểu tham dự có thể chia tổng số quyền biểu quyết cho tất cả các ứng viên hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên, nhưng không vượt quá số thành viên đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

10. Thủ tục và hình thức tiến hành bầu cử:

10.1 Phiếu bầu cử:

a. Nội dung của Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu cử được in thống nhất, là phiếu có ghi mã đại biểu, tổng số lượng phiếu bầu (sở hữu và được ủy quyền), có đóng dấu treo Công ty.

- Mỗi đại biểu được phát 01 Phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và 01 Phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

b. Cách ghi Phiếu bầu cử

Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử.



- Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.

- Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

10.2 Tính hợp lệ và không hợp lệ của Phiếu bầu cử:

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

+ Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng bút chì;

+ Gạch tên các ứng cử viên;

+ Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

+ Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;

+ Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

+ Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;

+ Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

10.3 Ban Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

a. Ban Kiểm phiếu:

- Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm:

+ Hướng dẫn ghi phiếu bầu và phát phiếu bầu;

+ Tiến hành kiểm phiếu;

+ Công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

- Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT/BKS.

b. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu:

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu.

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban Kiểm soát hoặc đại diện cổ đông.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước Đại hội.

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm phiếu sẽ được lưu giữ theo quy định.

c. Nguyên tắc trúng cử thành viên HĐQT/BKS:

- Ứng cử viên trúng cử được xác định theo số bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định.

- Trường hợp có từ hai ứng cử viên đạt tỷ lệ % số cổ đông tín nhiệm ngang nhau mà cần phải loại bớt để đạt đủ số thành viên trúng cử theo quy định thì Đại hội sẽ tổ chức bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau để chọn. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT/BKS thì Đại hội sẽ tiến hành bầu cử tiếp trong số những ứng cử viên còn lại cho đến khi bầu đủ số thành viên cần bầu.

d. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

- Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu. Nội dung Biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ số phiếu của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số phiếu của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ, phiếu trống; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào HĐQT/BKS.

- Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội.

e. Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu

Chủ tọa cuộc họp giải quyết những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu và được ghi vào biên bản cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên 2023.

11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này được đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông để biểu quyết thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại kết thúc.

BAN KIỂM PHIẾU



BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-
RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI
Số: 285/HABECO-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

V/v nhân sự đại diện phần vốn, giới thiệu
tham gia HĐQT và nhân sự tham gia BKS

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại

Căn cứ Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước
giải khát Hà Nội và Điều lệ Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại,

Ngày 07/4/2022, Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội
(HABECO) đã có Công văn số 325/HABECO-HĐQT gửi Đại hội đồng cổ đông Công
ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại thông báo về việc tiếp tục ủy quyền cho
Ông Vũ Xuân Dũng, Phó Tổng giám đốc HABECO làm đại diện đối với phần vốn của
HABECO đầu tư tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại, giới thiệu và đề
cử Ông Vũ Xuân Dũng tham gia ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty cổ phần
HAREC Đầu tư và Thương mại kể từ ngày Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2022. Cũng tại văn bản này, HABECO đã tiếp tục giới thiệu và đề cử
Ông Vũ Đình Đức, cán bộ biệt phái của HABECO tại Công ty TNHH MTV Thương
mại HABECO tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương
mại.

Tuy nhiên, tại thời điểm hiện tại, căn cứ nhu cầu công tác cán bộ, HABECO trân
trọng thông báo về việc ủy quyền nhân sự đại diện phần vốn của HABECO, tham gia
ứng cử vào Hội đồng quản trị và nhân sự tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần
HAREC Đầu tư và Thương mại kể từ ngày Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông
thường niên năm 2023 như sau:

1. Nhân sự đại diện phần vốn và giới thiệu tham gia Hội đồng quản trị:

- Ủy quyền cho Ông Nguyễn Xuân Thành, Trưởng Phòng Đầu tư HABECO làm
đại diện đối với phần vốn của HABECO đầu tư tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và
Thương mại nhiệm kỳ 2023-2028 thay cho Ông Vũ Xuân Dũng, Phó Tổng giám đốc
HABECO.

+ Số cổ phần làm đại diện: 2.535.360 cổ phần, tương đương 40% vốn điều lệ
Công ty.

(Hồ sơ trích ngang kèm theo)

- Giới thiệu và đề cử Ông Nguyễn Xuân Thành tham gia ứng cử vào Hội đồng
quản trị Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023-2028.

2. Nhân sự ứng cử vào Ban Kiểm soát:

Giới thiệu và đề cử Ông Trần Đức Giang, Chuyên viên Văn phòng Hội đồng quản trị HABECO tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023-2028 thay cho Ông Vũ Đình Đức, cán bộ biệt phái của Tổng công ty tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO.

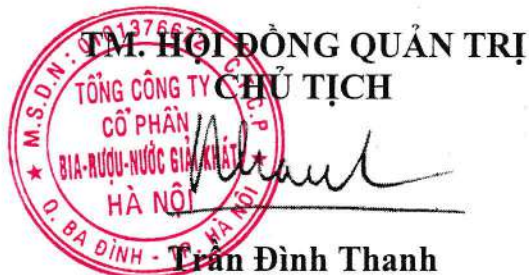
(Hồ sơ trích ngang kèm theo)

Căn cứ sự thay đổi và giới thiệu nêu trên, đề nghị Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại chấp thuận và tạo điều kiện để các Ông/Bà nêu trên thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông HABECO tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ Tổng công ty giao.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận đại diện vốn của TCT tại CTy CP HAREC Đầu tư và TM;
- VPĐQT;
- Lưu: VT,TC.



Số: *M* /QĐ-HĐQT-HABECO

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thôi ủy quyền đại diện đối với phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ “Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội tại các Doanh nghiệp khác” ban hành theo Quyết định số 59/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-HABECO ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi ủy quyền Ông Vũ Xuân Dũng, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội làm đại diện đối với phần vốn của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đầu tư tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phụ trách Bộ phận đại diện vốn của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại và Ông Vũ Xuân Dũng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tr.BKS;
- Các PTGD (đ/biết);
- Văn Phòng HĐQT, Phòng TV;
- CTy CP HAREC Đầu tư và TM (đ/biết);
- Lưu: VT, TC



QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty đầu tư tại
Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ “Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội tại các Doanh nghiệp khác” ban hành theo Quyết định số 59/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-HABECO ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

Căn cứ nhu cầu công tác, xét tiêu chuẩn và năng lực cán bộ;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền làm đại diện đối với phần vốn của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đầu tư tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023-2028 cho Ông Nguyễn Xuân Thành, Trưởng Phòng Đầu tư Tổng công ty:

- Số CCCD/CMND:

Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Số cổ phần làm đại diện: 2.535.360 cổ phần, tương đương 40% vốn điều lệ Công ty.

Điều 2. Ông Nguyễn Xuân Thành thực hiện quyền, nghĩa vụ theo các quy định của Điều lệ Tổng công ty; Điều lệ Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại; Quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phụ trách bộ phận đại diện vốn của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại và Ông Nguyễn Xuân Thành chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Tr.BKS;
- Các PTGD (đ/biết);
- Văn Phòng HĐQT, Phòng TV;
- CTy. CP HAREC Đầu tư và TM (đ/biết);
- Lưu: VT, TC.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Thành

Trần Đình Thanh

BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-
RƯỢU - NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Số: 13 /QĐ-HĐQT-HABECO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thôi cử nhân sự tham gia Ban Kiểm soát
tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2023;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ “Quy chế quản lý Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các Doanh nghiệp khác” ban hành theo Quyết định số 91/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 10/10/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-HABECO ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thôi cử Ông Vũ Đình Đức, Cán bộ biệt phái của Tổng công ty tại Công ty TNHH MTV Thương mại HABECO tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội và Ông Vũ Đình Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các PTGD (đ/biết);
- Văn Phòng HĐQT, Phòng TV;
- Bộ phận đại diện phần vốn của TCT tại CTy CP HAREC Đầu tư và TM;
- CTy CP HAREC Đầu tư và TM (đ/biết);
- Lưu: VT, TC.



Trần Đình Thanh

Số: 14 /QĐ-HĐQT-HABECO

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cử nhân sự tham gia Ban Kiểm soát
tại Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-RƯỢU-NƯỚC GIẢI KHÁT HÀ NỘI

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội đã được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 09/6/2008, sửa đổi lần thứ năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 28/4/2021;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ “Quy chế quản lý Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các Doanh nghiệp khác” ban hành theo Quyết định số 91/QĐ-HĐQT-HABECO ngày 10/10/2017 của Hội đồng quản trị Tổng công ty;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT-HABECO ngày 07/4/2023 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Bia-Rượu-Nước giải khát Hà Nội;

Căn cứ nhu cầu công tác, xét tiêu chuẩn và năng lực của CBNV;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử Ông Trần Đức Giang, Chuyên viên Văn phòng Hội đồng quản trị Tổng công ty tham gia Ban Kiểm soát Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023-2028.

Điều 2. Ông Trần Đức Giang thực hiện quyền, nghĩa vụ theo các quy định của Điều lệ Tổng công ty; Điều lệ Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại; Quy chế quản lý Kiểm soát viên của Tổng công ty tại các Doanh nghiệp khác và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày Công ty cổ phần HAREC Đầu tư và Thương mại tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Điều 4. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội và Ông Trần Đức Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các PTGD (đ/biết);
- Văn Phòng HĐQT, Phòng TV;
- Bộ phận đại diện phần vốn của TCT tại CTy CP HAREC Đầu tư và TM;
- CTy CP HAREC Đầu tư và TM (đ/biết);





CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

HAREC INVESTMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 377 24 330 – Fax: 0243 377 24 332 - Email: sales@harec.com.vn

**BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại;
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Hội đồng quản trị của Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:



STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Sau khi tham khảo quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2023 như sau:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị của Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm ...

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)¹

¹**Đối với cổ đông pháp nhân:**

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.





CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

HAREC INVESTMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 377 24 330 – Fax: 0243 377 24 332 - Email: sales@harec.com.vn



GIẤY ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Tên tôi là:

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:

Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần

Tương ứng...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Đề nghị Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Hội đồng quản trị tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

..., ngày..... tháng năm ...

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

HAREC INVESTMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 377 24 330 – Fax: 0243 377 24 332 - Email: sales@harec.com.vn

GIẤY ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023 - 2028

Kính gửi: Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Họ tên cổ đông:.....
CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....
Ngày cấp:.....Nơi cấp:
Người đại diện theo pháp luật (nếu có):
Hiện đang sở hữu:.....cổ phần
Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Đề nghị Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại cho tôi/Công ty tôi đề cử:
Ông/Bà:
CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....
Địa chỉ thường trú:
Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....
Hiện đang sở hữu:(cổ phần)
Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)
Làm ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

....., ngày..... tháng năm ...

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

HAREC INVESTMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 377 24 330 – Fax: 0243 377 24 332 - Email: sales@harec.com.vn

**GIẤY ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023 - 2028**

Kính gửi: Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Họ tên cổ đông:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/GĐKDN số:.....

Ngày cấp:.....Nơi cấp:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Hiện đang sở hữu:.....cổ phần

Tương ứng% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết Đề nghị Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại cho tôi/Công ty tôi đề cử:

Ông/Bà:

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:.....Ngày cấp:.....Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn:.....Chuyên ngành:.....

Hiện đang sở hữu:(cổ phần)

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá:(đồng)

Làm ứng cử viên tham gia Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

....., ngày..... tháng năm ...

Người đề cử

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

HAREC INVESTMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 377 24 330 – Fax: 0243 377 24 332 - Email: sales@harec.com.vn



BIÊN BẢN HỌP NHÓM CỔ ĐÔNG ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại;
- Căn cứ Quy định đề cử thành viên Ban Kiểm soát của Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại, cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:



STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
	Tổng cộng				

Sau khi tham khảo quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 như sau:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:.....

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;
- Giấy xác nhận sở hữu cổ phần liên tục trong thời gian ít nhất 06 tháng tính đến ngày chốt danh sách cổ đông tham dự đại hội thường niên năm nay.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:.....

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Ban Kiểm soát của Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm ...

CỔ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(Ký và ghi rõ họ tên)²



²Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trường hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
HAREC INVESTMENT AND TRADE JOINT STOCK COMPANY

Trụ sở chính: Số 4 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 0243 377 24 330 – Fax: 0243 377 24 332 - Email: sales@harec.com.vn



GIẤY ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Kính gửi: Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại

Tên tôi là:
 CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKDN số:.....
 Ngày cấp:.....Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Trình độ học vấn:
 Chuyên ngành:
 Hiện đang sở hữu: cổ phần
 Tương ứng...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết

Đề nghị Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại cho tôi được tự ứng cử làm ứng cử viên tham gia vào Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại nhiệm kỳ 2023 - 2028.

Nếu được các cổ đông tín nhiệm bầu làm thành viên Ban Kiểm soát tôi xin đem hết năng lực và tâm huyết của bản thân để đóng góp cho sự phát triển của Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Xin trân trọng cảm ơn.

Hồ sơ kèm theo:

- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu;
- Bản sao hợp lệ các bằng cấp;
- Sơ yếu lý lịch của ứng viên;

..., ngày..... tháng năm ...

Người ứng cử

(Ký và ghi rõ họ tên)

**LỊCH TRÍCH NGANG NHÂN SỰ THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2023-2028
CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**



TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMT	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Chức vụ/vị trí công tác hiện nay
1	Phan Huy Tỷ	30/11/1960			Kỹ sư cơ khí - Cử nhân Luật	<ul style="list-style-type: none"> - 1993- 1997: Phó Giám đốc Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển đô thị - 1998 – 2019: Giám đốc VPTVKDN Công ty CP Kinh doanh và Xây dựng nhà - 2006 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại - 07/2019 đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại 	<ul style="list-style-type: none"> - Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại - Giám đốc Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại
2	Hoàng Quang Thành	04/07/1946			Kỹ sư xây dựng	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh và xây dựng nhà 	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Harec Đầu tư và Thương mại
3	Nguyễn Xuân Thành	21/6/1971			<ul style="list-style-type: none"> - Kỹ sư Cơ khí chế tạo máy - Kỹ sư Tin học 	<ul style="list-style-type: none"> - Từ T7/1994 – T9/1995: Nhân viên Công ty Cơ khí sửa chữa và lắp đặt thiết bị chuyên ngành. - Từ T10/1995 – T2/2001: Nhân viên Công ty Liên doanh sản xuất bao bì Crown Vinalimex. - Từ T3/2001 – T4/2004: Kỹ sư Ban quản lý dự án, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội. - Từ T5/2004 – T9/2007: Chuyên viên Phòng Đầu tư, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội. - Từ T10/2007 – T2/2008: Phó trưởng phòng Kế hoạch Đầu tư, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội. - Từ T3/2008 – T7/2011: Biệt phái công tác tại Cty CP Bia Hà Nội – Vũng Tàu. - Từ T8/2011 – 05/08/2021: Phó Trưởng phòng Đầu tư, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội. - Từ 06/8/2021 đến nay: Trưởng phòng Đầu tư, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội. 	<ul style="list-style-type: none"> Trưởng phòng Đầu tư, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội

QUY CHẾ TRÍCH NGANG NHÂN SỰ THAM GIA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2023-2028
CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI

STT	Họ và tên	Số CMT	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Quá trình công tác	Chức vụ/vị trí công tác hiện nay
1	Trần Đức Giang	08/10/1987		Cử nhân Quản trị Kinh doanh	<ul style="list-style-type: none"> - Từ T4/2009 – T10/2011: Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam. - Từ T11/2011 – T9/2013: Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn BHG. - Từ T12/2013 – T10/2014: Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán định giá và Tư vấn tài chính Việt Nam. - Từ T12/2015 – T8/2016: Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán E-Jung. - Từ T8/2016 – T1/2019: Chuyên viên Công ty TNHH MTV Thương mại Habeco. - Từ T7/2019 đến nay: Chuyên viên kiểm toán nội bộ, Văn phòng Hội đồng quản trị, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội. 	Chuyên viên kiểm toán nội bộ, VP Hội đồng quản trị, TCty CP Bia – Rượu – NGK Hà Nội





CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

**PHIẾU BẦU CỬ THAY THẾ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
MÃ ĐẠI BIỂU: HRB.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **10** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **10** cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: **10** phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu thay thế 01 thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 - 2028 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Số phiếu bầu
1	Trần Đức Giang	

Ngày 05 tháng 5 năm 2023
ĐẠI BIỂU
(Ký và Ghi rõ họ tên)



CÔNG TY CỔ PHẦN HAREC ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2023

**PHIẾU BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
MÃ ĐẠI BIỂU: HRB.000001**

Họ và tên Đại biểu: **NGUYỄN VĂN A**
Số lượng cổ phần sở hữu: **10** cổ phần
Số lượng cổ phần nhận ủy quyền: **0** cổ phần
Tổng số lượng cổ phần đại diện: **10** cổ phần
Tổng số lượng phiếu bầu: **30** phiếu bầu

Tôi đồng ý Bầu thay thế 03 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023- 2028 như sau:

STT	Họ và tên ứng viên	Bầu dồn đều phiếu (cho các ứng viên)	Số phiếu bầu (cho từng ứng viên)
1	Phan Huy Tý	<input type="checkbox"/>	
2	Hoàng Quang Thành	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Xuân Thành	<input type="checkbox"/>	

Ngày 05 tháng 5 năm 2023

ĐẠI BIỂU

(Ký và Ghi rõ họ tên)